

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc điều chỉnh, bổ sung một số nội dung tại
Quyết định số 810/QĐ-UBND ngày 11/6/2020 của UBND tỉnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ Quyết định số 08/2020/QĐ-UBND ngày 08 tháng 5 năm 2020 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định bảng giá đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

Căn cứ Quyết định số 810/QĐ-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt giá đất cụ thể làm căn cứ tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Bệnh viện đa khoa chuyên sâu tại tổ dân phố 01, thị trấn Ea T'ling, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 43/TTr-STNMT ngày 08 tháng 02 năm 2020; ý kiến của Sở Tài chính tại Công văn số 239/STC-GCS&TCĐN ngày 28 tháng 01 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung một số nội dung quy định tại Quyết định số 810/QĐ-UBND ngày 11/6/2020 của UBND tỉnh. Cụ thể:

1. Sửa đổi khoản 2 Điều 1 Quyết định số 810/QĐ-UBND như sau:



“2. Giá đất cụ thể làm căn cứ tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Bệnh viện đa khoa chuyên sâu tại tổ dân phố 01, thị trấn Ea T’ling, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông:

STT	Loại đất	Giá đất theo Quyết định số 08/2020/QĐ-UBND (đồng/m ²)	Giá đất cụ thể (đồng/m ²)
1	Đất ở giáp đường Trần Hưng Đạo (Quốc lộ 14)	2.000.000	4.503.000
2	Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm		
2.1	Đất nông nghiệp trồng cây hàng năm tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo (Quốc lộ 14)	33.000	402.000
2.2	Đất trồng cây hàng năm tiếp giáp đường đất và không tiếp giáp đường	33.000	33.000
3	Đất nông nghiệp trồng cây lâu năm		
3.1	Đất nông nghiệp trồng cây lâu năm giáp đường đất	49.000	59.000
3.2	Đất nông nghiệp trồng cây lâu năm không giáp đường	49.000	54.000
4	Đất nuôi trồng thủy sản	20.000	35.000
5	Đất lâm nghiệp (rừng sản xuất)	9.000	21.000

(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm)

*** Giá đất áp dụng theo hệ số chiều sâu của thửa đất như sau:**

- Đối với các thửa đất tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo (Quốc lộ 14)
- + Phạm vi chiều sâu lộ giới từ 0 đến mét thứ 30 áp dụng hệ số 1,0.
- + Phạm vi chiều sâu lộ giới từ trên 30 mét đến mét thứ 50 áp dụng hệ số 0,7.
- + Phạm vi chiều sâu lộ giới từ trên 50 mét áp dụng hệ số 0,5.
- Đối với các thửa đất trồng cây lâu năm tiếp giáp đường đất
- + Phạm vi chiều sâu lộ giới từ 0 đến mét thứ 30: 59.000 đồng/m².
- + Phạm vi chiều sâu lộ giới từ trên 30 mét: 49.000 đồng/m².”

2. Thay thế Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 810/QĐ-UBND ngày 11/6/2020 của UBND tỉnh.



3. Những nội dung khác thực hiện theo Quyết định số 810/QĐ-UBND ngày 11/6/2020 của UBND tỉnh.

* Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật, UBND tỉnh và cơ quan có thẩm quyền về nội dung đề xuất tại Tờ trình số 43/TTr-STNMT ngày 08/02/2020.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Đắk Nông; Chủ tịch UBND huyện Cư Jút; Chủ tịch Hội đồng thẩm định giá đất tỉnh và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CTTĐT, KTTH, KTN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Trọng Yên



PHỤ LỤC:

Danh sách các thửa đất thu hồi để thực hiện dự án Bệnh viện đa khoa chuyên sâu tại tổ dân phố 01, thị trấn Ea T'ling, huyện Cư Jút

(Kèm theo Quyết định số 2178/QĐ-UBND ngày 16 tháng 02 năm 2024 của UBND tỉnh Đắk Nông)

STT	SỐ THỬA	DIỆN TÍCH (m ²)	MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG	LOẠI ĐẤT							Ghi chú	
				ODT giáp Trần Hưng Đạo (4.503.000 đồng/m ²)	HNK giáp đường Trần Hưng Đạo 402.000 đồng/m ²)	CLN giáp đường đất (59.000 đồng/m ²)	CLN không giáp đường (54.000 đồng/m ²)	HNK giáp đường đất (33.000 đồng/m ²)	Đất nuôi trồng thủy sản (35.000 đồng/m ²)	Đất làm nghiệp (21.000 đồng/m ²)		
1	15	200	ODT	4.503.000							Quốc lộ 14	
2	25	509	HNK		402.000							Quốc lộ 14
		50	ODT	4.503.000								Quốc lộ 14
3	32	199	HNK		402.000							Quốc lộ 14
		75	ODT	4.503.000								Quốc lộ 14
4	16	285	HNK		402.000							Quốc lộ 14
		80	ODT	4.503.000								Quốc lộ 14
5	17	818	HNK		402.000							Quốc lộ 14
		150	ODT	4.503.000								Quốc lộ 14
6	18	601	HNK		402.000							Quốc lộ 14
		120	ODT	4.503.000								Quốc lộ 14
7	19	81	HNK		402.000							Quốc lộ 14
		120	ODT	4.503.000								Quốc lộ 14
8	24	242	HNK		402.000							Quốc lộ 14
		150	ODT	4.503.000								Quốc lộ 14
9	27	1.056	HNK		402.000							Quốc lộ 14
		120,0	ODT	4.503.000								Quốc lộ 14
10	29	201,0	HNK		402.000							Quốc lộ 14
		2.837,9	HNK							33.000		
11	10	3.254,4	HNK							33.000		
12	26	183,5	HNK							33.000		
13	31	810,6	HNK							33.000		
14	30	1.002,2	HNK							33.000		



15	13	407,7	CLN										
16	11	3.101,0	CLN										
17	2	3.094,7	CLN										
18	3	6.422,7	CLN										
19	4	2.035,9	CLN										
20	28	2.764,6	CLN										
21	6	675,6	CLN										
22	12	3.787,5	CLN						54.000				
23	14	317,4	NTS								35.000		
24	21	985,1	NTS								35.000		
25	23	1.075,4	NTS								35.000		
26	20	423,1	NTS								35.000		
27	5	7.622,0	LNP									21.000	
28	7	3.869,1	RSX										21.000
29	9	2.712,7	RSX										21.000
Tổng		52.439,6											

Ghi chú: Diện tích và loại đất có thể thay đổi sau khi tiến hành công tác kiểm kê ngoài thực địa dự án



(Handwritten signature)